

DỰ THẢO VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo tờ trình số 76 /TTr-ĐHĐCĐ Ngày 14 tháng 5 năm 2018)

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
1.	Phần mở đầu	"Điều lệ này là cơ sở pháp lý..... sửa đổi lần thứ tư thông qua Đại hội Đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy Tạ ngày 16/5/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015"	Điều lệ này được thông qua theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy Tạ tổ chức ngày 25/5/2018".	Sửa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT95/2017/TT-BTC
2.	Điều 1: Các thuật ngữ trong Điều lệ	<p>Khoản 1, điểm g,h,i,j,k:</p> <p>g. "Đại hội đồng cổ đông" hay viết tắt là ĐHĐCĐ có nghĩa là Đại hội của tất cả các cổ đông trong Công ty được triệu tập họp thường niên hay bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty.</p> <p>h. "Hội đồng Quản trị", viết tắt là "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.</p> <p>i. "Ban Kiểm soát", viết tắt là "BKS" có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty.</p> <p>j. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là Giám đốc, Phó Giám đốc và kế toán trưởng Công ty.</p> <p>k. "Những người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật doanh nghiệp</p>	<p>Khoản 1:</p> <p>- Bỏ điểm g,h,i</p> <p>- Sửa đổi điểm j,k</p> <p>j. "Người điều hành" có nghĩa là Giám đốc, Phó Giám đốc và kế toán trưởng Công ty.</p> <p>k. "Người có liên quan" có nghĩa là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán</p>	Sửa theo Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 95/2017/TT-BTC
3.	Điều 3: Người đại diện theo	Chưa có	Bổ sung Điều 3: Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty	Điều 3 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT95/2017/TT-BTC

TT	pháp luật	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
4.	Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	<p>Điều 5: Khoản 1 Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty đã phát hành cổ phần phổ thông không nằm ở điểm a nêu trên”.</p> <p>Khoản 2: Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 là 30.000.000.000 đồng<i>(Ba mươi tỷ đồng Việt Nam)</i></p> <p>Khoản 3: Cổ đông sáng lập là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:</p> <p>Khoản 4: Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật”</p> <p>Khoản 5, 6: - Vốn Điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động SXKD: Mua sắm tài sản cố định,, Kinh doanh các ngành nghề theo giấy phép kinh doanh đã được Nhà nước cấp - Không được sử dụng vốn điều lệ chia cho các cổ đông dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác nhưng không trái pháp luật</p>	<p>Điều 6: Khoản 1: 1.Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.</p> <p>Khoản 2: Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng <i>(Ba mươi tỷ đồng Việt Nam)</i>. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.</p> <p>Bỏ nội dung này</p> <p>Khoản 4: Công ty chỉ có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p> <p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT95/2017/TT-BTC và Hiện nay Công ty không có cổ đông sáng lập</p> <p>Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT95/2017/TT-BTC</p> <p>Không cần thiết</p>

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>Khoản 7: Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn cho phát triển SXKD. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	<p>Khoản 7: Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	<p>Khoản 4 Điều 6 của Điều lệ mẫu</p>
	<p>Khoản 8: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</p>	<p>Bổ nội dung này</p>	
		<p>Bổ sung thêm nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá” - Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này. - Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật 	<p>Khoản 6,7,8 Điều 6 Điều lệ mẫu</p>

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
5.	Điều 7: Cổ phiếu	<p>Điều 6. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành dưới dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ.</p> <p>2. Các thông tin về cổ đông như quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ trong Sổ Đăng ký cổ đông tại Công ty, Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần cấp cho cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần hợp pháp của cổ đông với Công ty.</p> <p>3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong vòng 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ khi mua hoặc nhận chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).</p> <p>4. Nếu một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có quyền yêu cầu Công ty cấp giấy chứng nhận thay thế và phải nộp phí theo quy định của HĐQT.</p> <p>5. Người sở hữu cổ phần phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những giấy chứng nhận này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo</p>	<p>Điều 7. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày. (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty</p>	Điều 7 Điều lệ mẫu
6.		Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông	Bỏ Điều này	Điều 8 Điều lệ mẫu
7.	Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác	Chưa có	Bổ sung Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty	Điều 8 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
8.	<p>Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần</p>	<p>Điều 8:</p> <p>1. Tất cả các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ Công ty và pháp luật quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần phải được đăng ký tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác do HĐQT của Công ty quy định. Cổ phiếu của Công ty khi được lưu ký tại Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của Luật chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.</p> <p>2. Cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) tổng số lượng cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty trong vòng 03 năm (ba năm) kể từ ngày thành lập.</p> <p>Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.</p> <p>Những cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ (nếu có) sẽ không được chuyển nhượng cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Công ty</p>	<p>Điều 9:</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật</p>	<p>Mục 1,2 Điều 9 Điều lệ mẫu</p>

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
9.	Điều 9. Thừa kế cổ phần	Bỏ điều này	Công ty đã đăng ký chứng khoán nên các thủ tục thừa kế sẽ được làm với thành viên lưu ký và VSD, Công ty không xác nhận.
Điều 10: Thu hồi cổ phần	<p>Điều 10: Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, HĐQT có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền chưa trả và những chi phí của Công ty do việc không thanh toán này gây ra.</p> <p>2. Thông báo trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trong trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Nếu yêu cầu thanh toán trên không được thực hiện trong thời hạn thông báo, HĐQT có quyền thu hồi toàn bộ số lượng cổ phần đó. Trường hợp cổ đông chỉ thanh toán một phần, thì HĐQT sẽ thu hồi số lượng cổ phần chưa thanh toán.</p> <p>4. Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, thì các cổ phiếu bị HĐQT quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức.</p> <p>5. Cổ phần bị thu hồi sẽ được giao nộp về Công ty và trở thành tài sản của Công ty và có thể được phân phối lại hoặc xử lý theo phương thức mà HĐQT thấy phù hợp.</p>	<p>Điều 10: Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng</p>	Điều 10 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do	
	Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với số lượng cổ phần bị thu hồi	<p>vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (tính theo lãi suất không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo</p>		
10.	Chương III: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Tên Chương III: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Tên Chương III: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Điều lệ mẫu của ND 71
	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Điều 11 Điều lệ mẫu
11.	Điều 12: Cổ đông và quyền của cổ đông	Điều 12: Cổ đông và quyền của cổ đông	Điều 12: Cổ đông và quyền của cổ đông Bổ sung Khoản 1: Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty	Điều 12 Điều lệ mẫu
12.	Điều 13: Nghĩa vụ	Điều 13, các khoản 3,4,5,6: 3.Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ	Sửa đổi, bổ sung Điều 13 các khoản: 3. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền	Điều 13 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty.</p> <p>4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>5. Chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.</p> <p>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	
13.	<p>Điều 14: ĐHĐCĐ, quyền hạn và nhiệm vụ ĐHĐCĐ</p> <p>Điều 14, Khoản 2, điểm a:</p> <p>a. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, thông qua đề nghị của HĐQT về quyết toán năm tài chính, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận và các quỹ do HĐQT trình đề nghị</p>	<p>Điều 14, Khoản 2, điểm a:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán</p>	Sửa theo khoản 2, Điều 15 Điều lệ mẫu và Khoản 2, Điều 136 Luật DN
14.	<p>Điều 15: Triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>Điều 15, Khoản 3:</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày</p>	<p>Điều 15, Khoản 3:</p> <p>a. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày những</p>	Khoản 4 điều 14 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>những hiện tượng nêu trong điểm 2a, 2b, 2c hoặc nhận được yêu cầu nêu trong điểm 2.d hoặc 2.e điều này.</p> <p>b. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường, thành viên HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ;</p> <p>c. Trường hợp HĐQT không triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ</p> <p>d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo yêu cầu, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu nêu tại điểm 2.d Điều này có thể tự triệu tập;</p>	<p>hiện tượng nêu trong điểm a,b, c hoặc nhận được yêu cầu nêu trong điểm d hoặc điểm e Khoản 2 điều này.</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập ĐHĐCĐ bất thường, thành viên HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ;</p> <p>c. Trường hợp HĐQT trị không triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ.</p> <p>d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập ĐHĐCĐ theo yêu cầu, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu nêu tại điểm d Khoản 2 Điều này có thể tự triệu tập</p>	
15.	<p>Điều 16:</p> <p>Thể thức triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình Đại hội và thông báo Đại hội</p> <p>Điều 16, Khoản 2:</p> <p>2. Thông báo về ĐHĐCĐ phải được gửi bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày tổ chức Đại hội tính từ ngày thông báo được gửi đi hợp lệ. Thông báo triệu tập phải nêu rõ thời gian, địa điểm họp và kèm theo chương trình cuộc họp, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết và mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</p>	<p>Điều 16, Khoản 2:</p> <p>2. Thông báo về ĐHĐCĐ phải được gửi bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) để phục vụ việc gửi thông tin chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày tổ chức Đại hội tính từ ngày thông báo được gửi đi hợp lệ. Thông báo triệu tập phải nêu rõ thời gian, địa điểm họp và kèm theo chương trình cuộc họp, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết và mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</p>	Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>Điều 16, Khoản 4:</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại Điểm 3 Điều này nếu:</p>	<p>Điều 16, Khoản 4:</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại Khoản 3 Điều này nếu:</p>	
16.	<p>Điều 18:</p> <p>Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ</p> <p>Điều 18:</p> <p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ trì. Nếu không có thành viên HĐQT được ủy quyền thì bất kỳ người nào khác do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp ĐHĐCĐ không do HĐQT triệu tập thì người triệu tập có trách nhiệm chủ trì cuộc họp.</p> <p>2. Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự, lập danh sách các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ (ghi rõ số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện).</p> <p>3. ĐHĐCĐ bầu Ban thư ký và Ban Giám sát bầu cử theo đề cử của người chủ trì Đại hội.</p> <p>4. ĐHĐCĐ chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp không đủ số lượng tham dự cần thiết, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội thứ nhất. Trong Đại hội được triệu tập lần thứ 2, số lượng cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự phải đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết. Nếu Đại hội thứ hai không thể tiến hành do không đủ số lượng tham dự, Đại hội</p>	<p>Điều 18:</p> <p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất</p>	Điều 19 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự kiến Đại hội lần hai. Trong Đại hội thứ ba, bất kỳ số lượng cổ đông và đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề được đưa ra để thảo luận và thông qua tại Đại hội.</p> <p>5. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội những vấn đề chưa được biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>6. Người chủ trì ĐHĐCĐ có thể hoãn Đại hội đến thời gian và tại địa điểm khác mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu:</p> <p>a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p>b. Có hành vi cản trở hoặc gây rối Đại hội;</p> <p>c. Hoãn Đại hội để đảm bảo tiến hành các thủ tục và công việc của Đại hội một cách hợp lệ.</p> <p>d. Người chủ trì Đại hội cũng có thể hoãn Đại hội nếu Đại hội nhất trí vì lý do hợp lý bất kỳ. Đại hội mà được tổ chức lại sẽ không xem xét các vấn đề ngoài các vấn đề đã đưa vào chương trình thảo luận.</p> <p>7. Người chủ trì Đại hội hoặc Thư ký Đại hội nếu được người chủ trì Đại hội cho phép được quyền hành động thích hợp để điều khiển Đại hội diễn ra hợp lý, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.</p>		

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		8. HĐQT có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra hoặc an ninh hợp lý đối với các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội. HĐQT có quyền không cho tham dự hoặc trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh.		
17.	Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Chưa có	<p>Bổ sung Điều 19:</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	Điều 20Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. <p>10. Trong trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	
18.	<p>Điều 20: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 19, Khoản 9: 9. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây</p>	<p>Điều 20, Khoản 9: 9.Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do	
19.	Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ	Chưa có	<p>Bổ sung Điều 21:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần 	Điều 22 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các vấn đề đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. <p>Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin</p>	

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ”</p>	
20.	<p>Điều 22: Biên bản ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 20, Khoản 3:</p> <p>3. Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm lưu các biên bản Đại hội và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc ĐHĐCĐ. Các biên bản Đại hội là bằng chứng về những vấn đề đã được thảo luận và thông qua tại Đại hội. Biên bản Đại hội được lập bằng tiếng việt, phải được người chủ trì Đại hội và Thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông tham dự và giấy uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty</p>	<p>Điều 22, Khoản 3:</p> <p>3. Biên bản Đại hội được lập bằng tiếng việt, phải được người chủ trì Đại hội và Thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông tham dự và giấy uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.</p> <p>4. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>5. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p>	Điều 23 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	
21.	Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ	Chưa có	<p>Bổ sung Điều 23</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng [15] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này</p>	
22.	Điều 24: Ứng cử, đề cử thành	Chưa có	<p>Bổ sung Điều 24:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được 	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
viên Hội đồng quản trị		<p>đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). <p>2. Trừ Đại hội cổ đông thành lập, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên, được quyền đề</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên có quyền gộp số phiếu của từng người với nhau để đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ chiếm từ 5% (năm phần trăm) đến 20% (hai mươi phần trăm) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 1 (một) ứng cử viên; nếu chiếm trên 20% (hai mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 2 (hai) ứng cử viên; nếu chiếm trên 50% (năm mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 3 (ba) ứng cử viên; và nếu chiếm trên 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì được quyền đề cử 4 (bốn) ứng cử viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
23.	<p>Điều 25: Thành phần, nhiệm kỳ</p> <p>Điều 21: 1. HĐQT có năm (05) thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên. HĐQT có nhiệm kỳ bốn (04) năm, thành viên HĐQT có nhiệm kỳ bốn (04) năm và có thể được bầu lại tại ĐHĐCĐ tiếp theo. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty. - Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác. - Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. 3. HĐQT được bầu trực tiếp bằng thể thức dồn phiếu tại ĐHĐCĐ. Thành viên HĐQT trúng cử phải đạt ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu</p>	<p>Điều 25: Thành phần nhiệm kỳ 1. HĐQT có năm (05) thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên HĐQT có nhiệm kỳ bốn (04) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số thành viên HĐQT của Công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên HĐQT là thành viên độc lập. 3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây: a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của ĐHĐCĐ; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>Điều 26 Điều lệ mẫu, Điều 12 Nghị định 71. Quy định bầu dồn phiếu tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp</p>

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.</p> <p>4. Đề cử và ứng cử thành viên HĐQT.</p> <p>a. Cổ đông thể nhân hoặc đại diện cổ đông pháp nhân nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này được quyền tự ứng cử làm ứng cử viên để bầu vào HĐQT;</p> <p>b. Trừ ĐHĐCĐ thành lập, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên, được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào HĐQT. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên có quyền gộp số phiếu của từng người với nhau để đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ chiếm từ 5% (năm phần trăm) đến 20% (hai mươi phần trăm) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 1 (một) ứng cử viên; nếu chiếm trên 20% (hai mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 2 (hai) ứng cử viên; nếu chiếm trên 50% (năm mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 3 (ba) ứng cử viên; và nếu chiếm trên 70% (bảy mươi</p>	<p>4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty</p> <p>6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; - Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty. - Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc. - Thành viên HĐQT công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của công ty tại quá 5 công ty khác, thời gian áp dụng theo quy định của luật. - Đối với Công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản 	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì được quyền đề cử 4 (bốn) ứng cử viên;</p> <p>c. Tất cả các ứng cử viên để bầu vào HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 điều này.</p> <p>5. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thành viên HĐQT không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</p> <p>b. Thành viên HĐQT xin từ nhiệm bằng văn bản và sau khi được sự đồng ý của HĐQT.</p> <p>c. Thành viên HĐQT mất năng lực hành vi và/hoặc bị mất năng lực pháp lý theo các quy định của pháp luật;</p> <p>d. Thành viên HĐQT không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.</p> <p>f. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên thì HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>6. HĐQT có thể đề cử một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và tiến hành lấy ý kiến chấp thuận của ĐHĐCĐ bằng văn bản</p>	<p>lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p> <p>7. HĐQT được bầu trực tiếp bằng thể thức dồn phiếu tại Đại hội cổ đông.</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	Điều 26: Quyền hạn và nhiệm vụ HĐQT	Bỏ khoản 5 và khoản 8 Điều này.	
25.	Điều 28: Chủ tịch HĐQT	Điều 28: Bổ sung thêm khoản 1: HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch 2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp HĐQT, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT; c. Triệu tập và chủ trì ĐHĐCĐ; d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT; e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.	
24.	Điều 27: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT	Bổ sung Điều 27: 1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. 2. [Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các	Điều 28 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>Công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty].</p> <p>3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.</p> <p>4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT</p>	
26.	Điều 29: Họp HĐQT	Điều 24: Họp HĐQT	<p>Điều 29: Họp HĐQT Bổ sung Khoản 1: Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao</p>	Điều 30 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT</p> <p>Bổ sung Khoản 5:</p> <p>Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty</p>	
		<p>Điều 24, Khoản 2:</p> <p>2. Họp HĐQT bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do:</p> <p>a. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>b. Hai thành viên HĐQT;</p> <p>c. Chủ tịch HĐQT</p> <p>d. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi Điều 24, Khoản 3</p> <p>3. Họp HĐQT bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do:</p> <p>a. Ban kiểm soát</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;</p> <p>c. Hai thành viên HĐQT;</p> <p>d. Thành viên độc lập HĐQT;</p> <p>e. Trường hợp khác (nếu có)</p>	Điều 30 Điều lệ mẫu
		<p>Khoản 5:</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi Điều 24, Khoản 5</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp</p>	Điều 30 Điều lệ mẫu
27.	Điều 31: Các tiểu ban thuộc HĐQT	Chưa có	<p>Bổ sung Điều 31: Các tiểu ban thuộc HĐQT</p> <p>1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của</p>	Điều 31 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	
28.	Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty	Chưa có	<p>Bổ sung Điều 32: Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p>	Điều 32 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.</p> <p>3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
29.	Điều 33: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	<p>Chưa có</p> <p>Bổ sung Điều 33: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện:</p> <p>a. Cổ đông thể nhân hoặc đại diện cổ đông pháp nhân nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này được quyền tự ứng cử làm ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Trừ Đại hội cổ đông thành lập, cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục 6 tháng (sáu tháng) trở lên được quyền đề cử 1 (một) ứng cử viên có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều này để bầu vào Ban Kiểm soát. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể gộp số phiếu biểu quyết vào với nhau để đề cử các ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát; Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ chiếm từ 5% (năm phần trăm) đến 20% (hai mươi phần trăm) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 1 (một) ứng cử viên; nếu chiếm trên 20% (hai mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 2 (hai) ứng cử viên; nếu chiếm trên 50% (năm mươi phần</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 3 (ba) ứng cử viên; và nếu chiếm trên 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì được quyền đề cử 4 (bốn) ứng cử viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	
30.	<p>Điều 34: Kiểm soát viên</p> <p>Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>2. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ bốn (04) năm và có thể được ĐHĐCĐ bầu lại vào ĐHĐCĐ tiếp theo.</p> <p>3. Trong số các thành viên Ban kiểm soát, ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 34: Kiểm soát viên</p> <p>3. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ bốn (04) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4. Trong số các thành viên Ban kiểm soát, ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	Điều 37 Điều lệ mẫu
31.	<p>Điều 35: Ban Kiểm soát</p> <p>Điều 27. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán</p>	<p>Điều 35 Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các</p>	Điều 38 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>và báo cáo tài chính Công ty.</p> <p>Thẩm định báo cáo tài chính ngân hàng của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan tới quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.</p> <p>Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các bảng tổng kết năm tài chính của Công ty.</p> <p>Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Có quyền kiểm tra bộ máy Điều hành nếu thấy cần, có nhiệm vụ thu thập thông tin cần thiết để trình ĐHĐCĐ về mọi sự kiện tài chính có ảnh hưởng đến tài chính của Công ty, nhưng không xen vào công việc quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết.</p> <p>Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo cũn như bí mật của Công ty.</p>	<p>quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>Không được cung cấp bất kỳ thông tin nào của Công ty mà theo quy định tại Quy chế của Công ty là mật ra bên ngoài.</p> <p>Kiểm soát viên được mời tham gia các phiên họp HĐQT. Trong các phiên họp HĐQT, được quyền chất vấn nhưng không được quyền biểu quyết.</p> <p>Kiểm soát viên sẽ phải chịu trách nhiệm khi bỏ qua không sử dụng những quyền hạn và phương tiện theo thẩm quyền để ngăn chặn những sự kiện mình biết sẽ gây thiệt hại cho nền tài chính của Công ty.</p> <p>Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng nhiệm kỳ của HĐQT và kéo dài thêm ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.</p> <p>Phương tiện làm việc và ngân quỹ cần thiết cho hoạt động của Kiểm soát viên và việc xét thưởng cho họ do ĐHĐCĐ ấn định theo kết quả sản xuất kinh doanh.</p> <p>Ban kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.</p> <p>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ</p>	<p>rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát</p>	
32.	Điều 28: Những vấn đề liên quan đến BKS	Bỏ Điều 28	Không cần thiết
33.	Chương III Giám đốc và người điều hành khác	Chương III. Giám đốc và người điều hành khác	Điều 33 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
Điều 36	<p>Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và các quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty. HĐQT bổ nhiệm một Giám đốc, một số Phó giám đốc theo nhu cầu về nhiệm vụ công việc, một Kế toán trưởng để điều hành Công ty. Các cán bộ quản lý có thể là thành viên HĐQT.</p> <p>2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình HĐQT chấp thuận cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của HĐQT vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực và luôn luôn cẩn trọng trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà HĐQT đề ra.</p> <p>3. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty sẽ do HĐQT quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động ký với Giám đốc, PGĐ và Kế toán trưởng Công ty</p>	<p>Điều 36: Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.</p>	
34.	Điều 37: Người điều hành doanh nghiệp	<p>Bổ sung thêm Điều 37: Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm cẩn trọng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	Điều 34 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.	
35.	Điều 39: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc	Điều 31: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc	Điều 39: Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Bổ sung khoản 2,3: 2. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. 3. HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế	Điều 35 Điều lệ mẫu
36.	Chương IX. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, kiểm soát viên, giám đốc và người điều hành khác	Chương IX. Nhiệm vụ được ủy thác của thành viên hội đồng quản trị, giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty	Chương IX. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, kiểm soát viên, giám đốc và người điều hành khác	
37.	Điều 40: Trách nhiệm cẩn trọng	Điều 32: Nghĩa vụ của cán bộ Quản lý Công ty 1. Thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây: a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo	Điều 40: Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả	Điều 39 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>đúng quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ;</p> <p>b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;</p> <p>c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.</p> <p>2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.</p> <p>3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</p>	<p>những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	
38.	<p>Điều 41: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về</p> <p>Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty không được trục lợi từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không lợi dụng cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, không được sử dụng những thông tin quản trị của Công ty</p>	<p>Điều 41: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều</p>	Điều 40 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
<p>quyền lợi</p>	<p>để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p> <p>2. Công ty không cho vay hoặc bảo lãnh các khoản vay của các thành viên HĐQT, giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty và những người có liên quan với họ, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.</p> <p>3. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan với họ chỉ được ký kết theo những quy định sau đây:</p> <p>a. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi ký. Nếu đối tác ký hợp đồng có liên quan với cổ đông hoặc nhóm cổ đông, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mất quyền biểu quyết về việc ký kết hợp đồng đó.</p> <p>b. Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được HĐQT chấp thuận trước khi ký. Nếu đối tác ký hợp đồng có liên quan với thành viên HĐQT hoặc nhóm thành viên HĐQT, thì thành viên hoặc nhóm thành viên HĐQT đó mất quyền biểu quyết về việc ký kết hợp đồng đó.</p> <p>c. Trường hợp hợp đồng như vậy được ký kết mà</p>	<p>hành khác của Công ty không được trực lợi từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không lợi dụng cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, không được sử dụng những thông tin quản trị của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p> <p>3. Công ty không cho vay hoặc bảo lãnh các khoản vay của các thành viên HĐQT, giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty và những người có liên quan với họ, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.</p> <p>4. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp</p>	

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	<p>chưa được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Tổ chức hoặc cá nhân vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p> <p>d. Thành viên HĐQT, giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người có quan hệ với họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty khi họ có những thông tin mà chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó trong khi các cổ đông khác không có những thông tin như vậy.</p> <p>4. Công khai hóa danh sách những người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;</p> <p>b) Công ty con đối với công ty mẹ;</p> <p>c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;</p> <p>d) Người quản lý doanh nghiệp;</p> <p>đ) Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>e) Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;</p>	<p>đồng hoặc giao dịch này.</p> <p>b. Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan.</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.</p> <p>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan</p>	

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>g) Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;</p> <p>h) Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty</p>		
39.	Điều 42: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Chưa có	Bổ sung thêm Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường <p>1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi</p>	Điều 41 Điều lệ mẫu

TT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do	
		<p>ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>		
40.	<p>Điều 43: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ</p>	<p>Điều 34: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và</p>	<p>Điều 43: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ</p>	Khoản 2 điều 42 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
	sơ	những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty để thực thi nhiệm vụ của mình nhưng phải bảo mật các thông tin này	đồng và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty để thực thi nhiệm vụ của mình nhưng phải bảo mật các thông tin này.	
41.	Điều 46: Chế độ kế toán	Điều 37: Chế độ kế toán 1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống Kế toán Việt Nam.	Điều 46: Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam.	
42.	Chương XIII: Báo cáo thường niên, BCTC và trách nhiệm công bố thông tin Điều 49: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	Chưa có	Bổ sung Chương III Báo cáo thường niên, BCTC và trách nhiệm công bố thông tin Điều 49: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các	Chương XV, Điều 48 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	
43.	Điều 50: Báo cáo thường niên	Chưa có:	Bổ sung Điều 50: Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Điều 49 Điều lệ mẫu
44.	Điều 51: Kiểm toán	Điều 40: Kiểm toán 1. Trong trường hợp thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho đơn vị Kiểm toán sau khi kết thúc mỗi năm tài chính. 2. Đơn vị kiểm toán kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình HĐQT trong vòng 2 tháng (hai tháng) kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Báo cáo kiểm toán của đơn vị Kiểm toán (nếu có) phải được đính kèm với báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. 4. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán do HĐQT quyết	Điều 51: Kiểm toán 1. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết	Điều 50 Điều lệ mẫu

TT		Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		định	<p>thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>5. Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình HĐQT trong vòng 2 tháng (hai tháng) kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	
45.	<p>Chương XV: Con dấu</p> <p>Điều 52: Con dấu</p>	<p>Chương XIV: Con dấu</p> <p>Điều 41. Con dấu</p> <p>1. Công ty có con dấu riêng theo đúng các quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được chủ tịch HĐQT và/hoặc giám đốc ký và đóng dấu Công ty theo quy định về sử dụng con dấu trong Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng quy định này.</p> <p>3. Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty</p>	<p>Chương XV: Con dấu</p> <p>Điều 52. Con dấu</p> <p>1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	Điều 51 Điều lệ mẫu